

Bản án số: 131/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2022
V/v Xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Trường.

2. Ông Trần Tấn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị P** – sinh năm 1980. Địa chỉ: Kp. Xà Ngách, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Văn K** – sinh năm 1976. Địa chỉ: Kp. Xà Ngách, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ý kiến của bà Nguyễn Thị P:

Tôi với ông Nguyễn Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/1998 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, không tin tưởng lẫn nhau. Xảy ra nhiều mâu thuẫn, chúng tôi thường xuyên cãi vã, cảm thấy không hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông K.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/1998, hiện cháu L đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên tôi không có yêu cầu.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

- *Ý kiến của ông Nguyễn Văn K:*

Tôi với bà P chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, tính tình không hòa hợp. Nay nếu vợ cương quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/1998, hiện cháu L đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên tôi không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về việc "Xin ly hôn" theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với ông Nguyễn Văn K có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn K chung sống với nhau nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặt khác, cả bà P và ông K đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà P và ông K đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 9 quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn*". Bà P và ông K là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do

đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 14 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này...*”. Bà P có yêu cầu xin ly hôn nhưng hôn nhân giữa bà P và ông K không có đăng ký kết hôn, nên xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông K theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 53 quy định: “*1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/1998, hiện cháu L đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên ông, bà không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do bà P có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 144, 146, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn K.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà P phải chịu số tiền án phí hôn nhân là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009122 ngày 11/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà P không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho